

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào hồ sơ mất sức lao động đang quản lý để thực hiện trợ cấp đối với các đối tượng quy định tại Thông tư này; tổng hợp, báo cáo số đối tượng được hưởng trợ cấp và kinh phí chi trả (do cơ quan Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố thực hiện) cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính để làm căn cứ cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước và hàng năm quyết toán với Bộ Tài chính theo quy chế hiện hành.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định trợ cấp khó khăn đối với những người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, nhưng không thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp quy định tại điểm 1, 2 Mục I Thông tư này, khi hết tuổi lao động (nam đủ 60 tuổi trở lên và nữ đủ 55 tuổi trở lên) mà đời sống có nhiều khó khăn. Mức trợ cấp khó khăn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2000. Những đối tượng đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo quy định tại tiết a, tiết b điểm 2 Mục II nêu trên, nếu do quá trình làm thủ tục mà nhận trợ cấp chậm, thì được truy lĩnh kể từ thời điểm được hưởng trợ cấp quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

THÔNG TƯ số 329/2000/TT-BGTVT **ngày 31/8/2000 hướng dẫn thực** **hiện một số điều của Nghị định** **số 171/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999** **của Chính phủ quy định chi tiết** **thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công** **trình giao thông đối với công** **trình giao thông đường sông.**

Ngày 07 tháng 12 năm 1999 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 171/1999/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường sông. Thực hiện Điều 43 của Nghị định, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

I. GIỚI HẠN HÀNH LANG BẢO VỆ LUỒNG **CHẠY TÀU THUYỀN TRÊN ĐƯỜNG** **THỦY NỘI ĐỊA**

Hành lang bảo vệ luồng chạy tàu thuyền trên đường thủy nội địa là phạm vi hai bên theo chiều rộng của luồng chạy tàu thuyền được xác định nhằm đảm bảo sự ổn định của luồng và an toàn cho hoạt động giao thông vận tải cũng như thuận lợi cho việc nâng cấp và quản lý khai thác luồng.

1. Hành lang bảo vệ luồng được xác định theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định (gọi là cấp quy hoạch). Bề rộng hành lang mỗi bên được quy định đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Luồng chạy tàu thuyền không sát bờ: Từ mép luồng trở ra mỗi phía là:

- Luồng trên sông, kênh cấp I, II và hồ, vịnh: 25m;

- Luồng trên sông, kênh cấp III, IV: 15m;

- Luồng trên sông, kênh cấp V, VI: 10m.

b) Luồng chạy tàu thuyền sát bờ không có đê

hoặc đường giao thông trên bờ: Từ mép bờ cao trở vào (phía bờ): 5m.

Mép bờ cao được xác định là đỉnh của bờ sông, kênh sát với luồng chạy tàu thuyền.

c) Luồng chạy tàu thuyền sát bờ có dề mà hành lang bảo vệ luồng trùng với phạm vi bảo vệ dề thì tuân theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ dề.

d) Luồng chạy tàu thuyền sát bờ có đường bộ, đường sắt thì hành lang bảo vệ luồng chạy tàu thuyền tính từ mép bờ cao trở ra phía sông.

e) Đối với những đoạn luồng sát bờ trên sông, kênh chưa có quy hoạch, việc xác định bề rộng hành lang bảo vệ cần căn cứ vào cấp kỹ thuật đang khai thác và tình hình thực tế khu vực cũng như định hướng nâng cấp giai đoạn tới để thực hiện.

2. Cấp kỹ thuật của các tuyến luồng được cơ quan có thẩm quyền công bố và quy định dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến luồng (độ sâu, bề rộng, bán kính cong, tính không các công trình vượt sông) tương ứng theo TCVN 5664 - 92 ban hành theo Quyết định số 347/QĐ ngày 23/5/1992 của Ủy ban Khoa học Nhà nước.

3. Các dự án đầu tư nâng cấp các tuyến luồng đang trong giai đoạn đầu tư nhưng chưa đáp ứng được theo tiêu chuẩn kỹ thuật của quy hoạch thì hành lang vẫn phải xác định theo cấp kỹ thuật của quy hoạch được duyệt và chủ đầu tư phải lập phương án, xin bổ sung kinh phí cho việc giải phóng mặt bằng, cắm mốc chỉ giới trên bờ. Các dự án đầu tư, nâng cấp các tuyến luồng đã được duyệt nhưng chưa có hạng mục giải phóng mặt bằng, cắm mốc chỉ giới trên bờ theo đúng cấp quy hoạch thì chủ đầu tư phải bổ sung kinh phí phần việc trên và trình chủ quản đầu tư duyệt trước khi thi công.

4. Việc xác định, cắm mốc chỉ giới phạm vi hành lang bảo vệ luồng chạy tàu thuyền được thực hiện theo nhiều bước và ưu tiên ở những khu vực trọng điểm như qua khu đô thị, dân cư sống ven sông; khu vực cấm đánh bắt cá, nuôi trồng thủy sản... trên sông; những tuyến sông đã được quy hoạch chuẩn bị đầu tư cải tạo, nâng cấp. Tại các khu vực này, các cơ quan quản lý đường

thủy nội địa có trách nhiệm xác định phạm vi bảo vệ luồng và bố trí báo hiệu chỉ giới hạn mép luồng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, đảm bảo giao thông.

5. Trường hợp cần thiết phải xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ luồng chạy tàu thuyền thì phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định hiện hành.

Trường hợp công trình đã xây dựng trước đây nằm trong hành lang bảo vệ luồng gây nguy hiểm cho hoạt động vận tải và nguy hại cho luồng thì phải kiên quyết dỡ bỏ ngay. Các công trình đã xây dựng trước ngày 01 tháng 9 năm 1996 (Nghị định số 40/CP có hiệu lực) đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép nay phải di chuyển, giải tỏa sẽ được xem xét đền bù theo luật định.

Trường hợp các công trình đó chưa ảnh hưởng nhiều đến luồng và việc di chuyển, dỡ bỏ với chi phí quá lớn thì tạm thời cho tồn tại nhưng chủ công trình phải có cam kết với Ủy ban nhân dân địa phương và cơ quan quản lý đường thủy có thẩm quyền về việc không coi nới phát triển thêm và di chuyển ngay khi có yêu cầu.

6. Các tuyến luồng đã được cắm mốc hành lang bảo vệ theo Chỉ thị số 236/CT ngày 21/7/1997 nếu hành lang bảo vệ lớn hơn so với quy định tại Nghị định số 171/1999/NĐ-CP và hiện tại không có khiếu kiện, tranh chấp thì giữ nguyên mốc giới. Nếu bề rộng hành lang bảo vệ theo Chỉ thị số 236/CT nhỏ hơn bề rộng hành lang theo Nghị định số 171/1999/NĐ-CP thì phải xác định và cắm mốc lại theo quy định của Nghị định số 171/1999/NĐ-CP.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Đường sông Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương chỉ đạo, kiểm tra việc xác định và cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa và thường trực theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai trên phạm vi cả nước. Nếu có vướng mắc báo cáo Bộ giải quyết kịp thời;

Chỉ đạo các Đoàn Quản lý đường sông trực

thuộc Cục Đường sông Việt Nam chủ trì phối hợp với các cơ quan địa chính và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để tiến hành đo đạc, cắm mốc, bố trí báo hiệu để xác định chỉ giới hành lang bảo vệ luồng chạy tàu trên phạm vi được giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức bộ máy chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trong việc xác định và cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường thủy nội địa trên các tuyến do địa phương quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp cùng các đơn vị quản lý đường thủy nội địa khu vực trong việc chống lấn chiếm và tổ chức giải tỏa các vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn.

3. Các chủ đầu tư, nhà thầu thi công các tuyến luồng theo các dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa có trách nhiệm quản lý bảo vệ trong thời gian thi công cho đến khi bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác.

Các chủ đầu tư khi bàn giao tuyến luồng đã hoàn công cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ giải phóng mặt bằng, mốc chỉ giới.

4. Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình của các địa phương, các ngành có ảnh hưởng đến công trình giao thông đường thủy nội địa đều phải được cơ quan quản lý đường thủy nội địa có thẩm quyền đồng ý và có ý kiến bằng văn bản theo Điều 23 Nghị định số 171/1999/NĐ-CP.

5. Các mốc chỉ giới sẽ được bàn giao cho chính quyền địa phương (kèm theo sơ đồ) làm cơ sở cho công tác quản lý, bảo vệ hành lang. Quy cách mốc chỉ giới và cự ly giữa các mốc chỉ giới theo Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Để triển khai tốt công tác bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa, Cục Đường sông Việt Nam, các Sở Giao thông vận tải, Giao thông công chính, các đơn vị quản lý đường thủy nội địa cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các ngành liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình thực hiện tốt Nghị định số 171/1999/NĐ-CP của Chính phủ.

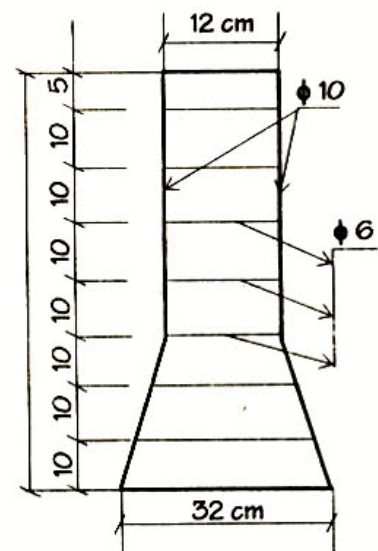
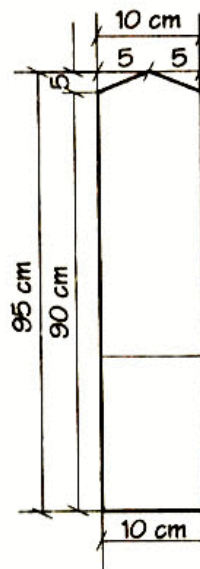
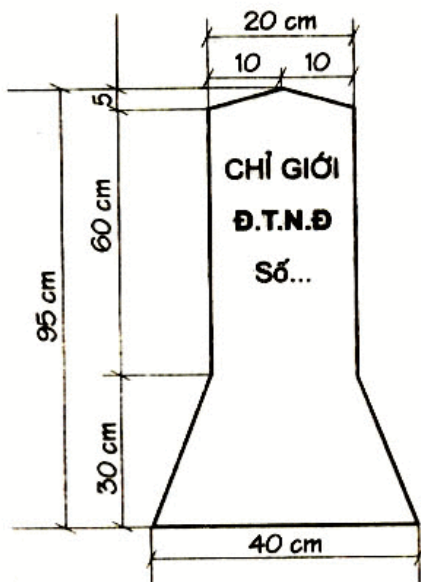
Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thú trường

PHẠM QUANG TUYẾN

Phụ lục kèm theo Thông tư số 329/2000/TT-BGTVT ngày 31/8/2000

**Kết cấu mốc chỉ giới
(Tỷ lệ 1/100)**



1. Quy cách mốc chỉ giới:

- Cột mốc chỉ giới có hình dáng, kích thước, kết cấu như hình vẽ; được làm bằng bê tông cốt thép mác 200.

Trên mốc đề chữ hai mặt: "chỉ giới ĐTNĐ số..."

Chữ "CHỈ GIỚI" cao 6 cm, nét chữ rộng 0,6 cm.

Chữ "ĐTNĐ" cao 10 cm, nét chữ rộng 1,0 cm.

"Số..." cao 6 cm, nét rộng 0,6 cm.

- Mốc được chôn sâu 50 cm, được đầm chặt.

2. Cự ly các mốc:

- Khu vực đô thị, dân cư tập trung: 100 - 200 m/mốc.

- Khu vực khác: 500 - 1000 m/mốc.

3. Lưu ý:

- Cột mốc phải đặt ở vị trí an toàn, ổn định, dễ thấy.

- Mỗi vị trí cột mốc phải được thể hiện trên bình đồ khu vực.

ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường sông;

Căn cứ đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy định về quản lý và giám sát hoạt động tàu khách tốc độ cao trên đường thủy nội địa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thủ trưởng

PHẠM THẾ MINH

QUYẾT ĐỊNH số 2764/2000/QĐ-BGTVT
ngày 21/9/2000 ban hành Quy định
về quản lý và giám sát hoạt động
tàu khách tốc độ cao trên đường
thủy nội địa.

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 40/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 171/1999/NĐ-CP

QUY ĐỊNH về quản lý và giám sát hoạt động tàu khách tốc độ cao trên đường thủy nội địa

(ban hành kèm theo Quyết định số 2764/2000/QĐ-BGTVT ngày 21/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.**

1. Bản quy định này áp dụng đối với tàu thủy